TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/DS-PT
Ngày 30-5-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông Trần Văn Lực

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung

Ông Nguyễn Văn Giới

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phan Thị Cẩm Nang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên toà xét xử phúc thẩm C khai vụ án dân sự thụ lý số 129/2018/TLPT-DS, ngày 25 tháng 10 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2018/DSST ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 464/2018/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2018 và Thông báo số 68/TA-TDS ngày 08/5/2019 về việc tiếp tục phiên tòa, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1964 (có mặt);

2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1968 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965, địa chỉ ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Thị P là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Thị P trình bày:*

Vào ngày 19/12/2012, ông bà có cho ông Nguyễn Văn T vay số tiền 183.685.000 đồng để ông T trả nợ ngân hàng do đáo hạn, ông T hứa sau khi trả tiền vay sẽ làm thủ tục vay lại rồi trả cho ông bà nên không tính lãi. Số tiền này do bà P trực tiếp giao cho ông T nhận để trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện T - Phòng giao dịch L. Việc giao tiền cho ông T không có làm biên nhận.

Do Ngân hàng không cho vay lại nên ông T không có tiền trả cho ông bà. Sau đó ông T trả được 111.000.000 đồng, số tiền còn lại không chịu trả. Nay ông bà yêu cầu ông T hoàn trả tiền vốn vay còn nợ bằng 72.685.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 19/12/2012 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất Nhà nước quy định.

** Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Vào năm 2010, ông có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện T - Phòng giao dịch L số tiền 157.000.000 đồng để mua xe tải theo chương trình hỗ trợ lãi suất. Sau khi vay tiền ông trả dần cho Ngân hàng 02 lần tiền gốc bằng 31.000.000 đồng. Năm 2012, Ngân hàng yêu cầu ông trả số tiền còn lại để vay lại với ưu đãi khác. Lúc đó do không có tiền nên ông có vay của bà P bằng 125.000.000 đồng để trả cho ngân hàng.

Do Ngân hàng không cho vay lại nên ông không có tiền trả cho bà P. Sau đó ông trả cho bà P được 111.000 đồng bằng nguồn tiền bán xe tải và trả dần nhiều lần, nên hiện nay chỉ còn nợ bà P 14.000.000 đồng. Nay ông chấp nhận trả cho ông C bà P số tiền còn nợ bằng 14.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

Ông thừa nhận vào năm 2012 có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện T - Phòng giao dịch L 02 khoản nợ vay với số tiền 183.685.000 đồng và ông đã trả cho Ngân hàng, nhưng các khoản vay này ông trả bằng nguồn tiền không phải vay của bà P.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2018/DSST ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C và bà P. Buộc ông T trả cho ông C và bà P tiền gốc còn nợ và tiền lãi bằng 15.227.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền kháng cáo và quyền thỏa thuận, tự nguyện, yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 24/9/2018, nguyên đơn ông C và bà P kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử buộc ông T trả cho ông bà số tiền 72.685.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án vị đại diện Viện Kiểm sát cho rằng: Án sơ thẩm xử chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bởi vì nguyên đơn không chứng minh được đã cho bị đơn vay số tiền 183.685.000 đồng. Bị đơn ông T chỉ thừa nhận vay của nguyên đơn số tiền 125.000.000 đồng, đã trả nợ được 111.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc ông T trả cho ông C và bà P số tiền 14.000.000 đồng và mức lãi suất 09%/năm là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án thấy rằng: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T trả nợ vay vì nguyên đơn cho rằng đã cho bị đơn vay số tiền 183.685.000 đồng để bị đơn trả nợ ngân hàng. Sau khi vay bị đơn trả cho nguyên đơn được số tiền 111.000.000 đồng, số tiền còn lại 72.685.000 đồng bị đơn chưa trả nên khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán. Bị đơn chỉ thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 125.000.000 đồng và đã trả được 111.000.000 đồng nên đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn lại là 14.000.000 đồng. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm 02 chứng từ giao dịch (bản photocoppy) nội dung thể hiện bị đơn ông T trả nợ ngân hàng tổng số tiền 183.685.000 đồng, không thể hiện có việc ông T vay tiền của nguyên đơn. Ông Thạch Thanh L là nhân chứng do nguyên đơn đưa ra khai không chứng kiến có việc bà P cho ông T vay số tiền 183.685.000 đồng. Với chứng cứ này, Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 14.000.000 đồng và tiền lãi là có căn cứ pháp lý. Vì vậy, ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị bác kháng cáo giữ nguyên án sơ thẩm được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Do yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận, nên ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 228, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các điều 471, 474, 476, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Thị P, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2018/DS-ST ngày 10/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện T.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn T hoàn trả cho ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Thị P số tiền bằng 15.227.800 đồng *(mười lăm triệu hai trăm hai mươi bảy ngàn tám trăm đồng)*, trong đó: Tiền vốn vay bằng 14.600.000 đồng, tiền lãi bằng 627.800 đồng.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Thị P phải chịu 3.619.250 đồng *(ba triệu sáu trăm mười chín ngàn hai trăm năm mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.317.125 đồng *(hai triệu ba trăm mười bảy ngàn một trăm hai mươi lăm đồng)* theo biên lai thu tiền số 0015423 ngày 10/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh. Ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Thị P còn phải nộp tiếp 1.302.125 đồng *(một triệu ba trăm lẻ hai ngàn một trăm hai mươi lăm đồng)*.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 761.390 đồng *(bảy trăm sáu mươi mốt ngàn ba trăm chín mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)*. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* do ông C và bà Phượng đã nộp theo biên lai số 0019095 ngày 24/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào số tiền phải chịu. Ông C và bà P đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 ,7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Lực